TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 262/2023/QĐCNTTLH	*Tiểu Cần, ngày 05 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Thạch B và chị Thạch M.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, tài sản chung và nợ chung đề ngày 07 tháng 6 năm 2023 của anh Thạch B

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 16 tháng 8 năm 2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Người khởi kiện: Anh **Thạch B**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Người bị kiện: Chị **Thạch M**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Kim D**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

2/ Bà **Thạch C**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

3/ Bà **Kim P**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4/ Bà **Trần T**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 16 tháng 8 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 16 tháng 8 năm 2023, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Thạch B và chị Thạch M thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Anh B và chị M thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Thạch Ch, sinh ngày 07/12/2009 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Ch, giao cháu Thạch Tr, sinh ngày 14/9/2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Tr;

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hòa giải viên đã giải thích quy định của pháp luật về việc người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng anh B và chị M đều không yêu cầu người kia phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

- Về tài sản chung: anh B và chị M thống nhất có chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade màu cam đen, biển số 84H1-227.91 do anh Thạch B đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy, ngoài ra anh chị không còn tài sản chung nào khác. Anh B đồng ý giao xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade màu cam đen, biển số 84H1-227.91 cho chị M trọn quyền sở hữu. Chị M được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy nói trên. Đồng thời anh B có nghĩa vụ giao cho chị M 20.000.000 đồng tiền hỗ trợ theo thỏa thuận.

- Về nợ chung: anh B và chị M khai nợ tiền hụi bà Kim D tất cả các dây hụi do bà D làm đầu thảo cho đến khi mãn hụi là 32.000.000 đồng, nợ tiền hụi bà Trần T tất cả các dây hụi do bà T làm đầu thảo cho đến khi mãn hụi là 64.000.000 đồng, nợ tiền hụi tất cả các dây hụi của bà Thạch C làm đầu thảo đến khi mãn hụi là 36.000.000 đồng, nợ tiền hụi tất cả các dây hụi của bà Thạch P làm đầu thảo đến khi mãn hụi là 73.000.000 đồng. Các đầu thảo bà Kim D, bà Trần T, bà Thạch C và bà Thạch P cùng với chị M và anh B thống nhất toàn bộ số nợ trên do anh Thạch B có nghĩa vụ trả cho các chủ hụi theo đúng thỏa thuận lúc khui hụi về kỳ hạn trả hụi, chị M không có nghĩa vụ phải trả số tiền trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H, huyện T, Trà Vinh (chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 02 ngày 06/02/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Ngọc Quyền